Mẫu số (Form number):

HÓA ĐƠN THƯƠNG MẠI (Commercial Invoice)

Ký hiệu (Reference number):

Số Invoice number):

Ngày……tháng……năm 20.....
(Date…..month…..year…..)

Tên người bán (The Seller name):
Mã số thuế (Tax code):
Địa chỉ (Address):
Điện thoại (Phone number): Số tài khoản (Bank account):
Tên người mua (The Buyer name):
Mã số thuế(Tax code):
Địa chỉ(Address):
Số tài khoản (Bank account): (Đồng tiền thanh toán) Curency

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Q'ty)	Đơn giá (Unit Price)	Thành tiền (Amount)
1	2	3	4	5	6=4x5

Tổng cộng tiền thanh toán (Total amount):
Số tiền viết bằng chữ (Total amount in words):

NGƯỜI MUA HÀNG
(THE BUYER)
(Ký, ghi rõ họ, tên)
(Name, Signature)

NGƯỜI BÁN HÀNG
(THE SELLER)
(Chữ ký số)
(E- Signature)